

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh;

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1996 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Trịnh Thanh Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 01 năm 2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên bà L và ông Đ kết hôn với nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 10 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông Đ hay ghen tuông vô cớ rồi dẫn đến bạo lực gia đình, ông Đ hay cầm dao đòi chém, nhiều lần bà L khuyên ông Đ nhưng ông Đ không nghe, không

sửa đổi tính tình nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể duy trì cuộc sống vợ chồng nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Trịnh Thanh Đ:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà L. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Đ không tham gia nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Trịnh Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Đ là đúng với quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà L và ông Đ kết hôn với nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 162 ngày 27 tháng 12 năm 2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà L và ông Đ được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, bà L xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, ông Đ hay ghen tuông vô cớ rồi dẫn đến bạo lực gia đình, ông Đ hay cầm dao đòi chém, nhiều lần bà L khuyên ông Đ nên sửa chữa tính tình nhưng ông Đ không nghe, không sửa đổi tính tình nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Mặt khác, ông Đ đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt, từ đó cho thấy ông Đ cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà L với ông Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa

bà L và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L. Bà L được ly hôn với ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng không có con nên không xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà L phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị L. Bà Đỗ Thị L được ly hôn với ông Trịnh Thanh Đ.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng không có con nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, bà L phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, bà L có nộp tạm ứng án

phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004585 ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- UBND xã An Thủy, H.Ba Tri, T.Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo